

Bản án số: 47/2024/HS-ST

Ngày 28-05-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚC THỌ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Đức Hiếu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Hữu Tình và bà Nguyễn Thu Hương

- Thư ký phiên tòa: Ông Khuất tiến Phúc - Thư ký Toà án nhân dân huyện Phúc Thọ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện Phúc Thọ tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Nguyên Ngọc, Kiểm sát viên.

Ngày 28/05/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 19/2024/TLST-HS ngày 20 tháng 03 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2024/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 04 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Đặng Tiến D, sinh năm 1982 tại xã V, huyện P, thành phố Hà Nội; nơi thường trú: Thôn B, xã V, huyện P, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Văn H và bà Phùng Thị G; có vợ, chưa có con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Bản án số 74/2019/HSST ngày 17/5/2019, TAND quận Hà Đông xử 12 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy; Quyết định số 85 ngày 30/8/2011, Công an huyện P phạt cảnh cáo về hành vi Sử dụng trái phép chất ma túy. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/01/2024 đến nay “có mặt”

2. Bùi Hoàng T, sinh năm 2003 tại xã V, huyện P, thành phố Hà Nội; nơi thường trú: Thôn D, xã V, huyện P, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 9; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Xuân N và bà Kim Thị N1; chưa có vợ, con; tiền án: Bản án số 87/2021/HSST ngày 18/11/2021, TAND huyện Phúc Thọ xử 02 năm 06 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm kể từ ngày 18/11/2021 về tội Cố ý gây thương tích, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/01/2024 đến nay “có mặt”

3. Đỗ Văn Q, sinh năm 1990 tại xã V, huyện P, thành phố Hà Nội; nơi thường trú: Thôn C, xã V, huyện P, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 9; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không;

quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Văn S (c) và bà Trần Thị T1; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Bản án số 29/2009/HSPT ngày 16/02/2009, TAND tỉnh Sơn La xử 12 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản; Bản án số 11/2019/HS-ST ngày 01/02/2019, TAND huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn xử 01 năm 06 tháng tù về tội Vận chuyển hàng cấm. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/01/2024 đến nay “có mặt”

4. Bùi Đức T2, sinh năm 1996 tại xã V, huyện P, thành phố Hà Nội; nơi thường trú: Thôn F, xã V, huyện P, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 11; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn Đ (c) và bà Phùng Thị C; có vợ (đã ly hôn) và 01 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 233918 ngày 25/02/2019 của Công an quận Đ xử phạt 2.500.000 đồng về hành vi Xâm hại sức khỏe người khác. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/01/2024 đến ngày 15/01/2024 tại ngoại. “có mặt”

5. Trần Văn K, sinh năm 1991 tại xã V, huyện P, thành phố Hà Nội; nơi thường trú: Thôn D, xã V, huyện P, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn L và bà Đặng Thị T3; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/01/2024 đến ngày 15/01/2024 tại ngoại. “có mặt”

6. Bùi Văn C1, sinh năm 1990 tại xã V, huyện P, thành phố Hà Nội; nơi thường trú: Thôn D, xã V, huyện P, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn G1 và bà Đặng Thị L1; có vợ và 02 con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/01/2024 đến ngày 15/01/2024 tại ngoại. “có mặt”

7. Vũ Văn N2, sinh năm 1993 tại xã V, huyện P, thành phố Hà Nội; nơi thường trú: Thôn D, xã V, huyện P, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Văn H1 (c) và bà Thế Thị N3; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/01/2024 đến ngày 15/01/2024 tại ngoại. “có mặt”

8. Doãn Duy N4, sinh năm 1995 tại xã V, huyện P, thành phố Hà Nội; nơi thường trú: Thôn D, xã V, huyện P, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Doãn Văn C2 và bà Đặng Thị Ú; có vợ và 02 con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/01/2024 đến ngày 15/01/2024 tại ngoại. “có mặt”

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ 00 phút ngày 06/01/2024, tại quán B2-a của Trần Văn K tại thôn E, xã V, huyện P có Bùi Đức T2, Bùi Văn C1, Doãn Duy N4, Bùi Hoàng T đang chơi B-a, thì Đặng Tiến D đến và nói to “*Anh em có làm tý không, nếu chơi thì để tao cầm xe lấy tiền*”. Nghe vậy, T2 và N4 đồng ý. D, T2 và N4 thống nhất đánh bạc dưới hình thức Ba cây. D không mang theo tiền nên nói với K đang đứng tại quầy thu ngân là D cầm cổ chiếc xe máy Wave Blade màu đỏ-đen của D lấy 7.000.000 đồng để đánh bạc. K đồng ý và nói sẽ giữ lại 500.000 đồng, chỉ đưa cho D 6.500.000 đồng. D đồng ý. Khiết sử dụng tài khoản ngân hàng M số 0510147474006 mang tên TRAN VAN KHIET chuyển khoản 3.000.000 đồng vào tài khoản A số 2212205422100 mang tên LO THI DONG của chị Lò Thị D1 (vợ của D) và đưa 3.500.000 đồng tiền mặt cho D, theo yêu cầu của D.

Trong lúc D và K đang trao đổi việc cầm cổ xe máy lấy tiền để đánh bạc thì T2 lấy 01 (một) bộ tú lơ khơ gồm 52 lá bài đã qua sử dụng, được để sẵn trên bàn uống nước cạnh quầy thu ngân, cùng với N4 đi theo lối cửa ngách sang quán bia bên cạnh (đã đóng cửa). T2 lọc bài, lấy 36 lá bài từ A đến 9 dùng để đánh bạc. D, T2 và N4 đánh bạc dưới hình thức Ba cây. Sau đó, Bùi Văn C1 và Vũ Văn N2 vào tham gia đánh bạc cùng. Sau đó, Đỗ Văn Q rồi đến Bùi Hoàng T cùng vào đánh bạc. Lúc này tham gia đánh bạc có 07 người gồm: Quyết, T2, N4, D, N2, C1, T; còn K đang trông quán B2-a cũng sang đứng xem.

Đến khoảng 15 giờ 00 phút cùng ngày, D nghỉ đánh bạc, mang theo 5.000.000 đồng tiền đánh bạc về. Sau đó, D quay lại quán trả Khiết 7.000.000 đồng và lấy lại xe máy. Còn 06 (sáu) đối tượng khác vẫn tiếp tục đánh bạc đến khoảng 15 giờ 20 phút cùng ngày, thì bị bắt quả tang.

Vật chứng và tài sản có liên quan bị thu giữ, gồm:

- Thu giữ tại chiếu bạc: 01 (một) bộ bài tú lơ khơ gồm 36 lá bài, đã qua sử dụng và số tiền 5.300.000 đồng (*Năm triệu ba trăm nghìn đồng*). Các đối tượng đều khai dùng số tiền này để đánh bạc.

- Thu trên người các đối tượng bị bắt giữ tổng số tiền 8.450.000 đồng; trong đó: Bùi Đức T2 400.000 đồng, Bùi Văn C1 500.000 đồng, Đỗ Văn Q 1.800.000 đồng, Doãn Duy N4 50.000 đồng, Bùi Hoàng T 1.900.000 đồng và Vũ Văn N2 3.800.000 đồng. Các đối tượng đều khai dùng số tiền này để đánh bạc.

Tổng số tiền cơ quan Công an đã thu giữ là: 13.750.000 đồng (*mười ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng*)

Cùng ngày, D và K đã đến Công an đầu thú. Khiết tự nguyện giao nộp lại số tiền 7.000.000 đồng.

Về cách thức chơi đánh bạc: Các đối tượng sử dụng bộ bài tú lơ khơ gồm 36 lá bài (gồm các quân A, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9) đánh bạc bằng hình thức chơi ba cây. Khi chơi, nếu ai được 10 điểm (tổng 3 lá bài cộng lại) thì làm chương và được chia bài. Người chia bài chia đều cho mỗi người chơi 03 lá bài. Người chơi

sẽ cộng điểm của 03 lá bài lại và lấy điểm số hàng đơn vị để so điểm với người làm chương, ai cao điểm hơn sẽ thắng và được thu tiền về. Nếu có cùng số điểm thì so chất lá bài theo thứ tự từ cao đến thấp là Rô, C3, T4, B1. Mỗi ván, mỗi người đánh thấp nhất 50.000 đồng, tỷ lệ được thua 1-1, nếu ai được 10 điểm sẽ nhân đôi số tiền cược của mình.

Tổng số tiền các đối tượng sử dụng đánh bạc ngày 06/01/2024 là 18.750.000 đồng (*Mười tám triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng*), trong đó: 13.750.000 đồng là số tiền thu trên người và dưới chiếu bạc khi bắt quả tang, 5.000.000 đồng là tiền D đã chơi đánh bạc thắng và mang về. Các đối tượng khai số tiền mang đến đánh bạc là: Bùi Đức T2 hơn 2.000.000 đồng, Bùi Văn C1 khoảng 2.200.000 đồng, Đỗ Văn Q khoảng 2.000.000 đồng, Doãn Duy N4 khoảng hơn 3.000.000 đồng, Bùi Hoàng T hơn 2.000.000 đồng, Vũ Văn N2 khoảng 3.500.000 đồng và Đặng Tiến D 3.500.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 20/CT-VKS ngày 18/03/2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Phúc Thọ truy tố các bị cáo Trần Văn Khiết, Bùi Văn Chiến, Vũ Văn Nam, Doãn Duy N4, Bùi Đức T2, Bùi Hoàng T, Đỗ Văn Q và Đặng Tiến D về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phúc Thọ đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố Trần Văn K, Bùi Văn C1, Vũ Văn N2, Doãn Duy N4, Bùi Đức T2, Bùi Hoàng T, Đỗ Văn Q và Đặng Tiến D phạm tội Đánh bạc.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 38; Điều 56 của Bộ luật hình sự, xử phạt: Bùi Hoàng T 09-12 tháng tù. Tổng hợp hình phạt 2 năm 6 tháng tù của bản án số 87/2021/HSST ngày 18/11/2021 của TAND huyện Phúc Thọ, T phải chấp hành hình phạt chung của 2 bản án.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật hình sự, xử phạt: Đặng Tiến D 07-09 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật hình sự, xử phạt: Đỗ Văn Q 07-09 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 (áp dụng thêm khoản 2 đối với K) Điều 51; 58; 65 của Bộ luật hình sự, xử phạt: Trần Văn K và Bùi Đức T2, mỗi người 06-08 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12-16 tháng.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; 58; 36 của Bộ luật hình sự, xử phạt: Bùi Văn C1, Vũ Văn N2 và Doãn Duy N4, mỗi bị cáo từ 12 đến 15 tháng cải tạo không giam giữ. Không phạt hình phạt bổ sung đối với các bị cáo. Truy thu của Trần Văn K số tiền 500.000 đồng thu lời bất chính. Ngoài ra còn đề xuất xử lý vật chứng và án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Tại phiên tòa, các bị cáo khai:

Khoảng 13 giờ 00 phút ngày 06/01/2024, tại quán B2-a của Trần Văn K tại thôn E, xã V, huyện P, Đặng Tiến D rủ Bùi Đức T2 và Doãn Duy N4 đánh bạc. T2 và N4 đồng ý. D cầm cố chiếc xe máy của mình cho K (chủ quán B2) để lấy 7.000.000 đồng. K đồng ý và nói sẽ giữ lại 500.000 đồng. D đồng ý. Khiết chuyển khoản 3.000.000 đồng vào tài khoản của chị Lò Thị D1 (vợ của D) và đưa 3.500.000 đồng tiền mặt cho D để đánh bạc, theo yêu cầu của D.

T2 lấy 01 (một) bộ tứ lơ khơ gồm 52 lá bài, được để sẵn trên bàn uống nước cạnh quầy thu ngân, cùng với N4 đi theo lối cửa ngách sang quán bia bên cạnh (đã đóng cửa). T2 lọc bài, lấy 36 lá bài từ A đến 9 dùng để đánh bạc. D, T2 và N4 đánh bạc dưới hình thức Ba cây. Sau đó lần lượt Bùi Văn C1 và Vũ Văn N2, Đỗ Văn Q rồi đến Bùi Hoàng T cùng vào đánh bạc. Lúc này tham gia đánh bạc có 07 người gồm: Quyết, T2, N4, D, N2, C1, T; còn K đang trông quán B2 – a chỉ sang đứng xem.

Đến khoảng 15 giờ 00 phút cùng ngày, D nghỉ đánh bạc, mang theo 5.000.000 đồng tiền đánh bạc về, còn 06 đối tượng khác vẫn tiếp tục đánh bạc đến khoảng 15 giờ 20 phút cùng ngày, thì bị bắt quả tang.

Xét lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với vật chứng thu giữ, với biên bản phạm tội quả tang cũng như các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ căn cứ kết luận: Chiều ngày 06/01/2024, Bùi Đức T2, Bùi Văn C1, Đỗ Văn Q, Doãn Duy N4, Bùi Hoàng T, Vũ Văn N2 và Đặng Tiến D đã cùng nhau tham gia đánh bạc sát phạt nhau bằng tiền dưới hình thức đánh Ba cây, với tổng số tiền dùng để đánh bạc là 18.750.000 đồng (*Mười tám triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng*) tại quán bia (đã đóng cửa) thuộc thôn E, xã V, huyện P do Trần Văn K đang quản lý. Đối với Trần Văn K đồng ý cho 07 người đánh bạc tại địa điểm do mình quản lý, đồng thời còn cho D cầm cố xe máy để lấy 4.000.000 đồng sử dụng đánh bạc, Khiết thu lời 500.000 đồng. Vì vậy, hành vi của Trần Văn K đã đồng phạm tội với các bị cáo đánh bạc. Căn cứ quy định của Bộ luật hình sự và các văn bản hướng dẫn, hành vi đó của Trần Văn K, Bùi Văn C1, Vũ Văn N2, Doãn Duy N4, Bùi Đức T2, Bùi Hoàng T, Đỗ Văn Q và Đặng Tiến D đã cấu thành tội Đánh bạc quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện Phúc Thọ truy tố các bị cáo về tội danh trên là có căn cứ.

Các bị cáo có năng lực trách nhiệm hình sự, đạt độ tuổi theo luật định, đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm đến trật tự công cộng, nếp sống văn minh, văn hóa và gây ảnh hưởng xấu đến trật tự, trị an tại địa phương.

Vụ án có nhiều bị cáo tham gia nhưng không có sự phân công, sắp xếp vai trò của những người tham gia mà chỉ là đồng phạm giản đơn. Tuy nhiên, cần

phân hóa tội phạm, đánh giá vai trò của từng bị cáo, cá thể hóa trách nhiệm hình sự để có mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo.

Các bị cáo Bùi Hoàng T, Đỗ Văn Q và Đặng Tiến D đều có nhân thân xấu, đều đã từng bị Tòa án xét xử về các loại tội danh khác nhau, bị cáo T phạm tội lần này thuộc trường hợp tái phạm, bị cáo D là người khởi xướng đánh bạc, bị cáo Q đã 2 lần bị Tòa án xét xử. Vì vậy, cần áp dụng hình phạt nghiêm, cách ly các bị cáo khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục. Tuy nhiên, khi áp dụng mức hình phạt, Tòa án cũng xem xét, các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo D đầu thú, bị cáo T có nhiều thành tích đóng góp hoạt động phong trào tại địa phương và có người thân có công với cách mạng là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt.

Bị cáo Trần Văn K sử dụng địa điểm do mình quản lý cho 07 người đánh bạc mà tổng số tiền dùng đánh bạc là 18.750.000 đồng, K còn cho D cầm cố xe máy để lấy tiền đánh bạc và hưởng lợi số tiền 500.000đồng; bị cáo Bùi Đức T2 nhân thân đã từng bị xử phạt về hành vi Xâm hại sức khỏe người khác, nên phải chịu hình phạt cao hơn các bị cáo khác. Các bị cáo Bị cáo Bùi Văn C1, Vũ Văn N2 và Doãn Duy N4 sử dụng số tiền để đánh bạc từ 2.200.000đồng-3.500.000đồng, nên phạt hình phạt nhẹ hơn. Xét thấy, nhóm các bị cáo này đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo K đầu thú là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt và cho các bị cáo được hưởng lượng khoan hồng của nhà nước, cải tạo tại địa phương cũng đủ tác dụng giáo dục, phòng ngừa. Các bị cáo đều không có nghề nghiệp ổn định nên không khấu trừ một phần thu nhập đối với các bị cáo C1, N2 và N4.

[2]. Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo đều không có nghề nghiệp ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung.

[3]. Về vật chứng của vụ án: Kết quả điều tra xác định, số tiền 7.000.000 đồng Khiết giao nộp khi đầu thú, trong đó có 5.000.000 đồng D đã sử dụng đánh bạc, còn 2.000.000 đồng D rút từ tài khoản cá nhân, không liên quan đến vụ án, nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho K số tiền 2.000.000đồng.

Đối với 01 (một) bộ bài tú lơ khơ, gồm 36 lá bài, đã qua sử dụng là công cụ phạm tội, không còn giá trị sử dụng nên tịch thu, tiêu hủy.

Đối với số tiền 18.750.000đồng là tiền sử dụng đánh bạc, nên tịch thu, sung quỹ nhà nước.

[4]. Truy thu của Trần Văn K số tiền 500.000đ (năm trăm nghìn đồng) thu nhập bất hợp pháp để sung quỹ Nhà nước.

[5]. Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[6]. Về đề nghị của Kiểm sát viên đối với vụ án: Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên phạt các bị cáo về mức hình phạt là phù hợp với quy định của pháp luật.

[7]. Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử: Xét thấy Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng và đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Các hành vi, quyết định tố tụng đều hợp pháp, đảm bảo việc điều tra, truy tố vụ án đúng quy định.

[8]. Đối với chị Lò Thị D1 (vợ của Trần Văn K), việc K chuyển tiền cho chị D1 theo yêu cầu của D, đây là tiền cầm cố xe máy không phải là tiền do đánh bạc mà có. Vì vậy chị D1 không liên quan gì đến vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố Trần Văn K, Bùi Văn C1, Vũ Văn N2, Doãn Duy N4, Bùi Đức T2, Bùi Hoàng T, Đỗ Văn Q và Đặng Tiến D phạm tội Đánh bạc.

2. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 38; Điều 56 của Bộ luật hình sự

Xử phạt Bùi Hoàng T 09 (chín) tháng tù. Tổng hợp hình phạt 02 năm 06 tháng tù của bản án số 87/2021/HSST ngày 18/11/2021 của TAND huyện Phúc Thọ, buộc T phải chấp hành hình phạt chung 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 06/01/2024.

3. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật hình sự

Xử phạt Đỗ Văn Q 08 (tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 06/01/2024.

4. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật hình sự

Xử phạt Đặng Tiến D 08 (tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 06/01/2024.

5. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật hình sự

Xử phạt Bùi Đức T2 07 (bảy) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 14 tháng kể từ ngày 28/05/2024.

6. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật hình sự

Xử phạt: Trần Văn K 07 (bảy) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 14 tháng kể từ ngày 28/05/2024.

Giao bị cáo Trần Văn K cho Ủy ban nhân dân xã V, huyện P, thành phố Hà Nội; giao bị cáo Bùi Đức T2 cho Ủy ban nhân dân xã V, huyện P, thành phố

Hà Nội giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ từ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

7. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 36 của Bộ luật hình sự

7.1. Xử phạt: Bùi Văn C1 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ 09 ngày đã tạm giữ, thời gian còn phải chấp hành 11 tháng 03 ngày kể từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nhận được quyết định thi hành án.

7.2. Xử phạt: Vũ Văn N2 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ 09 ngày đã tạm giữ, thời gian còn phải chấp hành 11 tháng 03 ngày kể từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nhận được quyết định thi hành án.

7.3. Xử phạt: Doãn Duy N4 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ 09 ngày đã tạm giữ, thời gian còn phải chấp hành 11 tháng 03 ngày kể từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nhận được quyết định thi hành án.

Giao các bị cáo Bùi Văn C1, Vũ Văn N2 và Doãn Duy N4 cho Ủy ban nhân dân xã V, huyện P, thành phố Hà Nội giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã V trong việc giám sát, giáo dục người bị kết án.

8. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật hình sự và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự;

8.1. Tịch thu, tiêu hủy 01 (một) bộ bài tú lơ khơ, gồm 36 lá bài, đã qua sử dụng. (Theo biên bản giao nhận ngày 27/03/2024)

8.2. Tịch thu, sung quỹ nhà nước số tiền 18.750.000đồng (mười tám triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng). (Theo Giấy nộp tiền ngày 21/03/2024).

9. Truy thu của Trần Văn K số tiền 500.000đ (năm trăm nghìn đồng) sung quỹ Nhà nước.

10. Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án

Mỗi bị cáo Trần Văn K, Bùi Văn C1, Vũ Văn N2, Doãn Duy N4, Bùi Đức T2, Bùi Hoàng T, Đỗ Văn Q và Đặng Tiến D phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

11. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hà Nội;
- VKSND TP. Hà Nội;
- VKSND huyện Phúc Thọ;
- Công an huyện Phúc Thọ;
- Sở tư pháp TP. Hà Nội;
- Bị cáo; bị hại; người có QL,NV liên quan;
- Chi cục THADS huyện Phúc Thọ;
- Lưu HS, VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Đức Hiếu